TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 9 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Cảnh Liêm

2. Ông Nguyễn Đình Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Quang Trí là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 294/ 2025/ TB-TLVA ngày 14 tháng 4 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 61/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tuyết H, sinh ngày 02/08/1992

Số CCCD/CMND: 052192004535; Ngày cấp 01/09/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi cư trú: Tổ D, khu phố H, phường Q, tỉnh Gia Lai (trước là phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định).

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T; sinh ngày 04/10/1990

Số CCCD/CMND: 052090016473; Ngày cấp 10/01/2025; Nơi cấp: Bộ C.

Nơi cư trú: số nhà A đường L, phường Q, tỉnh Gia Lai (trước là phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định).

Nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/4/2025 và quá trình thụ lý, giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết H trình bày:

Chị và anh Lê Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 25/12/2006 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai). Sau kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do anh T cờ bạc, nợ nần. Hiện anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn anh Lê Văn T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Trần Mẫn N, sinh ngày 17/12/2022. Hiện cháu đang ở với chị, sức khoẻ bình thường. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra chị không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Lê Văn T trình bày: Anh thống nhất như trình bày của chị H về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung.Theo anh, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 3/2025 do anh ham chơi không lo làm ăn. Vợ chồng không còn tôn trọng nhau và hiện đã ly thân. Tuy nhiên, anh vẫn còn tình cảm với chị H nên không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Trần Mẫn N, sinh ngày 17/12/2022. Hiện cháu đang ở với chị H, sức khoẻ bình thường. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng nêu chị H có yêu cầu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra anh không còn yêu cầu gì khác.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Gia Lai phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 51, 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Tuyết H được ly hôn anh Lê Văn T; Chấp nhận yêu cầu của chị H được trực tiếp nuôi cháu M sau ly hôn; Cấp dưỡng nuôi con:

chị H không yêu cầu Toà án giải quyết; Tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền:

Tranh chấp phát sinh giữa chị Trần Thị Tuyết H và anh Lê Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn anh Lê Văn T cư trú tại: số nhà A đường L, phường Q, tỉnh Gia Lai (trước là phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Tuyết H có đơn yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Văn T đã được tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt hai bên đương sự theo quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Tuyết H và anh Lê Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 99 ngày 30/12/2022. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh T cờ bạc, nợ nần không có trách nhiệm với gia đình.Quá trình làm việc tại Toà án anh T không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào khả thi hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên toà sơ thẩm, anh T không có mặt tại phiên tòa thể hiện sự bỏ mặc quan hệ hôn nhân với chị H. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Trần Thị Tuyết H và anh Lê Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị H, anh T có 01 con chung tên Lê Trần Mẫn N, sinh ngày 17/12/2022. Hiện cháu N đang ở ổn định với chị H, sức khoẻ bình thường. Chị H có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N sau ly hôn. Xét thấy, chị H có đủ điều kiện về chỗ ở và thu nhập để bảo đảm sự phát triển bình thường cho cháu N. Anh Tú cũng thống nhất giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: đương sự không yêu cầu nên Tòa không xét.

[5] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

[6] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị Trần Thị Tuyết H phải chịu theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Gia Lai phát biểu về nội dung giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và các điều 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51,56,81 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Tuyết H được ly hôn anh Lê Văn T .

2. Về con chung: Anh chị có 01 con chung Lê Trần Mẫn N, sinh ngày 17/12/2022. Giao cháu Lê Trần Mẫn N, sinh ngày 17/12/2022 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST: Chị Trần Thị Tuyết H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0001434 ngày 14/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 1- Gia Lai)

5. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định của pháp luật.

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Quy Nhơn (P.Hải Cảng cũ), tỉnh Gia Lai (số ĐKKH 99 ngày 30/12/2022)
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Thị Phương Thảo